

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ZENA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ZENA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZENA INTERNATIONAL TRADING GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ZENA INTERNATIONAL TRADING GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110317232

3. Ngày thành lập: 11/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20 phố Miếu Đàm, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966822772

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán mô tô, xe máy	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm dược phẩm và các trang thiết bị y tế)	4649
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Không bao gồm dược phẩm và các trang thiết bị y tế)	4659
15.	Trồng lúa	0111
16.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
17.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
18.	Trồng cây mía	0114
19.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115

20.	Trồng cây lấy sợi	0116
21.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Trồng cây hàng năm khác	0119
24.	Trồng cây ăn quả	0121
25.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
26.	Trồng cây điều	0123
27.	Trồng cây hồ tiêu	0124
28.	Trồng cây cao su	0125
29.	Trồng cây cà phê	0126
30.	Trồng cây chè	0127
31.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
35.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
36.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
37.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
38.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
39.	Chăn nuôi gia cầm	0146
40.	Chăn nuôi khác	0149
41.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
42.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
45.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
46.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
47.	Khai thác gỗ	0220
48.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
49.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
50.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
51.	Khai thác thủy sản biển	0311
52.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
53.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
54.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn những vấn đề liên quan đến chế độ dinh dưỡng - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
56.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
57.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
58.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
59.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
60.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
61.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
62.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
63.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
64.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
65.	Quảng cáo	7310
66.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
67.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ	7490
68.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
69.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
70.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
71.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722(Chính)
72.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
73.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
74.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
75.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
76.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
77.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
78.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
79.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
80.	Sản xuất đường	1072
81.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
82.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
83.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
84.	Sản xuất chè	1076
85.	Sản xuất cà phê	1077

86.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
87.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
88.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
89.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
90.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá độc lập)	4791
91.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
92.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
93.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
94.	Bốc xếp hàng hóa	5224
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
96.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
97.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
98.	Dịch vụ ăn uống khác (Không gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
99.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
100.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
101.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
102.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
105.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
106.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
107.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
108.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN THÔNG	Thôn Tế Tiêu, Thị Trần Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	0010860088 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		
2	NGUYỄN THÙY DUNG	Số 12D ngách 137 ngõ 68 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0011910559 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

3	NGUYỄN MẬU DŨNG	P12A08 CT1-103 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0010780076 02
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	
4	NGUYỄN NGỌC TRUNG	Tổ 16, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	0080780000 04
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẬU DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/02/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078007602

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P12A08 CT1-103 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P12A08 CT1-103 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội